

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LƯƠNG SƠN
TỈNH HÀ BÌNH**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 24/10/2019
V/v tranh chấp Ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LƯƠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thành Niên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ánh Hồng

Bà Hoàng Thị Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Vân – Thẩm tra viên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn tham gia phiên tòa: Ông
Trịnh Bá Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số:126 /2019/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:09/2019/QĐXX- ST ngày 8 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1984

Nơi ĐKKHKT: Tiểu khu 4, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình

Chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã C, huyện T, TP Hà Nội

Bị đơn: Anh Bùi Minh T, sinh năm 1973

Nơi cư trú: Tiểu khu 4, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày: Chị và anh Bùi Minh T kết hôn với nhau ngày 11/11/2008, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục. Sau kết hôn vợ chồng sống chung cùng gia đình chồng tại tiểu khu 4, thị trấn L, hôn nhân vợ chồng thời gian đầu diễn ra bình thường. Tuy nhiên đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, anh T là người có tính gia trưởng, sống không có trách nhiệm với gia đình, vì vậy hàng ngày vợ chồng thường xảy ra xung đột, cãi vã, làm cho cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc. Mặt khác đầu năm 2015 anh T còn có hành vi phạm tội bị xét xử và phải đi chấp hành án tù năm 2015 đến 2018 mới ra trại. Nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với anh T được nữa nên năm 2017 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ, và vợ chồng bắt đầu sống ly thân nhau từ đó đến nay, không còn ai quan tâm đến ai.

Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị làm đơn xin ly hôn để vợ chồng giải thoát cho nhau. Tại phiên tòa hôm nay, chị giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Duy H, sinh ngày 03/9/2009, khi ly hôn chị đồng ý giao con cho anh T nuôi, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T một tháng 1.000.000đ, kể từ khi ly hôn đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Bùi Minh T trình bày: Anh xác nhận nội dung lời khai của chị Th trình bày trên về thời gian, địa điểm kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn, theo anh sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng bố mẹ anh tại tiểu khu 4, thị trấn L. Hôn nhân vợ chồng thời gian đầu diễn ra hòa thuận, hạnh phúc, quá trình chung sống do có hành vi vi phạm pháp luật nên năm 2015 anh phải đi chấp hành án, đến năm 2018 thì ra trại, trong thời gian anh chấp hành án, chị Th không có sự quan tâm, thăm gặp động viên anh, khi được ra trại thì chị Th đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống, và vợ chồng sống ly thân nhau từ đó đến nay, không còn ai quan tâm đến ai. Trước kia do mâu thuẫn vợ chồng, anh đã một lần làm đơn xin ly hôn, nhưng chị Th không ký cho anh, bây giờ chị Th lại làm đơn ly hôn, anh không có trách nhiệm phải ký cho chị Th. Nay anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhưng anh chưa đồng ý ly hôn. Trường hợp chị Th cương quyết ly hôn, thì anh đề nghị tòa giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Duy H, sinh ngày 03/9/2009, nếu phải ly hôn thì anh xin được nuôi con và chưa yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ý kiến của kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX, và các đương sự: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, HĐXX đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn chị Th chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn anh T chấp hành chưa đầy đủ các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, các Điều 51,56, 81,82,83,84 Luật hôn nhân và gia đình tuyên xử: Về tình cảm: Xử cho chị Nguyễn Thị Th ly hôn anh Bùi Minh T; Về con chung: Giao cháu Bùi Duy H cho anh T nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th hàng tháng cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T với số tiền 1.000.000đ. Kể từ khi ly hôn đến khi cháu H trưởng thành đủ 18 tuổi; Về tài sản chung, nợ chung: Không có; Về án phí: chị Th phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên, Tòa án nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện L giải quyết việc ly hôn với anh Bùi Minh T, có nơi trú tại: Tiểu khu 4, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 các Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện L đã giải quyết vụ án đúng thời hạn, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng không có khiếu nại gì về hành vi và các quyết định tố tụng. Do vậy hành vi và Quyết định tố tụng đó là hợp pháp.

Về việc chấp hành pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Th chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn anh T chấp hành chưa đầy đủ quy định của pháp luật. Tòa đã triệu tập nhiều lần, nhưng anh T không đến tòa để giải quyết vụ án, Tòa phải phối hợp với UBND thị trấn L triệu tập anh T đến trụ sở UBND thị trấn giải quyết vụ án thì anh T mới đến giải quyết.

2. Về nội dung: Chị Nguyễn Thị Th và anh Bùi Minh T kết hôn năm 2008, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, việc kết hôn tuân thủ các điều kiện có hiệu lực của pháp luật, do vậy hôn nhân giữa chị Th và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Xét quá trình chung sống của vợ chồng nhận thấy: Sau kết hôn cuộc sống chung vợ chồng thời gian đầu diễn ra hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên từ năm 2016 thì mâu thuẫn phát sinh, nguyên nhân theo chị Th trình bày là do bất đồng quan điểm, anh T là người có tính gia trưởng, sống không có trách nhiệm với gia đình, vì vậy hàng ngày vợ chồng thường xảy ra xung đột, cãi vã. Mặt khác năm 2015 anh T còn có hành vi vi phạm pháp luật bị kết án phải đi chấp hành án trong nhiều năm, chị phải sống một mình nuôi con nhỏ, từ những lý do trên làm cho cuộc sống vợ chồng không có tương lai, hạnh phúc. Do mâu thuẫn xảy ra nên từ đầu 2017 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không còn ai quan tâm đến ai. Theo anh T thì quá trình chung sống của vợ chồng diễn ra như chị Th đã khai. Nay anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhưng anh chưa đồng ý ly hôn. Trường hợp chị Th cương quyết ly hôn thì anh đề nghị tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kết quả xác minh tại nơi cư trú của vợ chồng xác định quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn như các bên đương sự đã trình bày.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa đã tích cực hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Nay chị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, kết quả hòa giải và tranh tụng tại phiên tòa hôm nay, phát biểu của Kiểm sát viên. Thấy quá trình hôn nhân vợ chồng chị Th, anh T có mâu thuẫn xảy ra, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, quyền và nghĩa vụ của vợ chồng không được đảm bảo. Do vậy cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị Th và xử cho chị ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

Về con chung: Chị Th, anh T có một con chung, cháu Bùi Duy H, sinh ngày 03/9/2009, hiện cháu H đang sống cùng anh T, Quá trình giải quyết vụ án chị Th đồng ý giao con cho anh T nuôi, anh T cũng xin được nuôi con, nguyện vọng cháu H cũng xin được ở với bố. Xét các điều kiện về mọi mặt, quan điểm giải quyết của các bên đương sự, nguyện vọng của cháu H thấy cần giao con cho anh T nuôi là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án, anh T chưa yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên quan điểm giải quyết của chị Th, khi ly hôn chị sẽ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng anh T một tháng 1.000.000đ. Xét nguyện vọng của chị Th về việc cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, nên cần ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Từ các nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81,82,83,84 107,110,116,117 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí, lệ phí tòa án.

1.Về tình cảm: Chấp nhận đơn khởi kiện, xử cho chị Nguyễn Thị Th ly hôn anh Bùi Minh T.

2.Về con chung: Giao cháu Bùi Duy H, sinh ngày 03/9/2009 cho anh Bùi Minh T nuôi dưỡng.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Th. Hàng tháng chị Nguyễn Thị Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Bùi Minh T số tiền 1.000.000đ. Kể từ khi ly hôn đến khi cháu Bùi Duy H trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc ngày có Quyết định khác thay thế. Chị Th có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà bên phải thi hành án không thanh toán khoản tiền trên, thì phải chịu lãi suất chậm thi hành án tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng. Chị Th đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí ly hôn theo biên lai số: 0002305 ngày 11 /7 /2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, nay được đối trừ và phải nộp thêm 300.000đ.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Bùi Minh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- TAND tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Cổng thông tin điện tử TAND
- UBND xã nơi đã thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Bùi Thành Niên